TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 03.9.2019
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Thanh Điền
- *Hội thẩm nhân dân*:
1. Bà Trần Thúy Kiên
2. Bà Thái Ánh Trinh
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt tham gia phiên tòa*: Bà Trần Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Nhàn - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Ngày 03 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 300/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2019 về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2019/QĐXX-ST ngày 28 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị ***Nguyễn Thị T*** sinh năm 1972
Trú tại: khu vực A, phường B, quận T, thành phố Cần Thơ.
2. *Bị đơn*: Anh ***Nguyễn Văn H*** sinh năm 1973
Trú tại: khu vực A, phường B, quận T, thành phố Cần Thơ.
3. *Người có quyền, lợi ích được bảo vệ - con chung*:
Cháu ***Nguyễn Văn E*** sinh ngày 24.8.2007
Trú tại: khu vực A, phường B, quận T, thành phố Cần Thơ.
(đang sống với chị T; và do chị T là người giám hộ).

(các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 05.7.2019 và quá trình giải quyết vụ kiện, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày*:

Do tự nguyện quen biết tìm hiểu và yêu thương nhau nên chị với anh Nguyễn Văn H được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 1992, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân dân phường B, quận T, thành phố Cần

Thơ ngày 29.02.2008. Sau khi cưới, vợ chồng sống bên gia đình chồng tại khu vực A, phường B, quận T, thành phố Cần Thơ đến khi vợ chồng ly thân.

Quá trình chung sống vợ chồng thường hay cải vả, không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh H thường xuyên rượu trà, không quan tâm chăm sóc vợ con nên từ đầu năm 2019 chị quyết định sống ly thân với anh H từ đó đến nay. Hiện nay chị T về sống chung nhà cha mẹ ruột tại khu vực A, phường B, quận T.

Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung gồm Nguyễn Thị Bé L, sinh năm 1993 và Nguyễn Văn N, sinh năm 1996 – đã trưởng thành và Nguyễn Văn E, sinh năm 2007 - đang sống với chị T; Về tài sản chung: chị yêu cầu tự thỏa thuận sử dụng; về nợ chung: không có.

Thời gian ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn đối với anh Nguyễn Văn H; Về con chung: Cháu L và cháu N đã trưởng thành, lao động bình thường nên chị không đặt vấn đề nuôi con và cấp dưỡng; Đối với cháu E hiện đang sống với chị, chị yêu cầu được quyền nuôi con đến trưởng thành, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: chị yêu cầu tự thỏa thuận sử dụng; Về nợ chung: không có.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 16.8.2019, bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày*:

Anh thống nhất nội dung trình bày của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T về hôn nhân, con chung; tài sản chung và nợ chung. Cụ thể: vào năm 1992, anh và chị T được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật năm 2008. Quá trình chung sống vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn do cự cải, anh thừa nhận trước đây do công việc kinh doanh khó khăn nên ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng nên chị T sống ly thân với anh từ đầu năm 2019 đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn - anh yêu cầu được đoàn tụ với chị Thủ; *Về con chung*: Vợ chồng có 03 con chung gồm Nguyễn Thị Bé L, sinh năm 1993 và Nguyễn Văn N, sinh năm 1996 và Nguyễn Văn E, sinh năm 2007. Nếu giải quyết ly hôn thì anh đồng ý ổn định cho chị T được quyền nuôi cháu T đến trưởng thành, anh yêu cầu không phải cấp dưỡng nuôi con, còn cháu L và cháu N đã trưởng thành nên anh không đặt vấn đề nuôi và cấp dưỡng con; Về tài sản chung: anh đồng ý tự thỏa thuận sử dụng với chị T; Về nợ chung: không có.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 19.8.2019, người có quyền, lợi ích được bảo vệ cháu Nguyễn Văn E trình bày*:

Cháu là con của cha là Nguyễn Văn H và mẹ là Nguyễn Thị T. Hiện nay cháu đang sống chung với mẹ tại khu vực A, phường B, quận T, thành phố Cần Thơ. Nay cha mẹ ly hôn thì cháu yêu cầu được tiếp tục sống với mẹ đến trưởng thành, không yêu cầu cha cấp dưỡng, vì hiện nay mẹ cháu có khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đến trưởng thành.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến ban đầu; bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng là đúng trình tự thủ tục luật định.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T đối với bị đơn anh Nguyễn Văn H; Ổn định cho chị T được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Văn E đến trưởng thành, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con; Ghi nhận sự tự thỏa thuận sử dụng tài sản chung của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Chị Nguyễn Thị T với anh Nguyễn Văn H tự nguyện yêu thương, được gia đình hai bên tác hợp và có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, quận T, thành phố Cần Thơ nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn nên chị T có đơn khởi kiện. Xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Xét về quan hệ hôn nhân*: Chị T và anh H chung sống từ năm 1992, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Theo chị T thì do tính tình vợ chồng không hòa hợp, hay cải vả, bất đồng quan điểm sống, anh H thường xuyên rượu trà mà không quan tâm chăm sóc vợ con nên từ đầu năm 2019 chị sống ly thân với anh H từ đó đến nay. Bị đơn anh Nguyễn Văn H cho rằng mâu thuẫn là không lớn, anh thừa nhận có thường xuyên rượu trà, không quan tâm vợ con nhưng thực tế do anh làm kinh tế (xây dựng nhà) thua lỗ nên anh hay buồn bã, không ổn định tinh thần mà thiếu sót trong việc quan tâm vợ con. Tuy nhiên, hiện nay anh còn yêu thương vợ con nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù các đương sự có những lời khai không thống nhất về mâu thuẫn vợ chồng nhưng trên thực tế vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay; thời gian qua vợ chồng đã bỏ mặc, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Điều này cho thấy, tình trạng vợ chồng giữa chị T với anh H đã thật sự rạn nứt, thực tế hôn nhân đã chấm dứt, đời sống chung đã không tồn tại, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật.

[3] *Về con chung*: Vợ chồng thống nhất khai có 03 con chung gồm Nguyễn Thị Bé L, sinh năm 1993 và Nguyễn Văn N, sinh năm 1996 và Nguyễn Văn E, sinh năm 2007. Ngoài ra vợ chồng không có con nuôi hay con riêng nào khác.

Theo đó, chị T yêu cầu được nuôi con chung, điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu E yêu cầu được tiếp tục sống với mẹ, bởi suốt thời gian qua và hiện nay cháu vẫn liên tục sống cùng mẹ, được sự chăm sóc từ chị T; Hơn nữa, anh H đồng ý ổn định cho chị T được quyền tiếp tục nuôi con nên được Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, điều này cũng phù hợp theo quy định tại khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Về vấn đề cấp dưỡng: Do chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung là thiêng liêng nên người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung; không ai được quyền cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Ngoài ra, khi người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] *Về tài sản chung*: Các đương sự yêu cầu tự thỏa thuận sử dụng, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết;

[5] *Về nợ chung*: Các đương sự trình bày không có.

[6] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điều 147, điều 220 và điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 8, khoản 1 điều 9, điều 51, 53, 56, 81, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T đối với bị đơn anh Nguyễn Văn H.

1. *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. *Về con chung*:

./ Đối với cháu Nguyễn Thị Bé L, sinh năm 1993 và cháu Nguyễn Văn N, sinh năm 1996 - đã trưởng thành, lao động bình thường nên Hội đồng xét xử không đề cập việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

./ Chị Nguyễn Thị T được quyền nuôi con chung tên Nguyễn Văn E, sinh ngày 24.8.2007 đến trưởng thành. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở anh H thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung*: Ghi nhận ý kiến của đương sự về yêu cầu tự thỏa thuận sử dụng, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung thì được giải quyết thành vụ kiện khác.

4. *Về nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của đương sự về việc trình bày không có nợ chung. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp nợ chung thì được giải quyết thành vụ kiện khác.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo phiếu thu số AA/2016/004918 ngày 24.7.2019 được chuyển thành án phí. Chị T đã nộp xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND quận T;
- THA quận T;
- UBND phường B (nơi đkkh);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Điền